TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
Mã chứng khoán: GEX
Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 39726245/6
Fax: 024 39726282
Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Tuấn Anh
Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245
Fax: 024 39726282
Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☑ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):
Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2020.
Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2021 tại đường dẫn. https://gelex.vn/quan-he-co-dong

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2020	**Người đại diện theo pháp luật/** **Người được ủy quyền công bố thông tin** *(Ký,ghi rõ họ tên,chức vụ,đóng dấu)* M.S.D.N:0100100512-C.T.C.P TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI **Phạm Tuấn Anh**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
GELEX	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84../GELEX-TGĐ	*Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021*
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo riêng năm 2020 so với năm 2019	

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) là công ty niêm yết, hiện đang thực hiện giao dịch cổ phiếu trên thị trường HSX – mã chứng khoán GEX.

Tổng Công ty chúng tôi xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng năm 2020 so với năm 2019 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Biến động	
			Số tiền	%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.971,6	2.524,2	447,4	17,7%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	548,3	89,3	459	514,1%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 là 548,3 tỷ đồng; tăng 459 tỷ đồng, tương đương mức tăng 514,1% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do: Công ty ghi nhận khoản lãi từ thanh lý các khoản đầu tư Khối Logistics theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn và nhận được cổ tức, lợi nhuận được chia cao hơn so với năm trước.

Trân trọng báo cáo.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100100512 - C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM - HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Văn Tuấn

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 50

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện, được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch (*)	Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	
	Chủ tịch (*)	Miễn nhiệm có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2020
	Thành viên	Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Lương Thanh Tùng	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2020
	Thành viên	Bổ nhiệm có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm có hiệu lực từ ngày 18 tháng 6 năm 2020

(*) Việc bầu lại Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty được phê duyệt theo Nghị quyết số 37/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 8 năm 2020.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thực hiện theo Quyết định số 12/2020/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thống nhất đổi tên Ban Kiểm toán nội bộ thành Ủy ban Kiểm toán để phù hợp với quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020 đối với mô hình tổ chức doanh nghiệp không có Ban Kiểm soát. Quyết định nêu trên có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021.

Thành viên Ủy ban Kiểm toán (tên cũ là Ban kiểm toán nội bộ theo Luật Doanh nghiệp 2014) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Anh Linh	Trưởng ban kiểm toán nội bộ
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Giám đốc điều hành

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Nguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61355749/21938223

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Phùng Mạnh Phú Phó Tổng Giám đốc Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1	Nguyễn Trung Dũng Kiểm toán viên Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4657-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.132.537.586.004**	**1.143.316.596.435**
110	***I. Tiền***	***5***	***240.494.002.853***	***28.953.302.734***
111	1. Tiền		240.494.002.853	28.953.302.734
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***390.897.336.198***	***250.000.000.000***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6	390.897.336.198	250.000.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***2.342.532.439.183***	***828.834.225.736***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	257.124.038.345	44.489.655.575
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.057.298.329	567.658.497
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.692.079.346.054	571.475.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	406.313.670.652	226.803.236.642
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(14.041.914.197)	(14.501.324.978)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***11***	***140.074.731.099***	***29.491.612.831***
141	1. Hàng tồn kho		140.074.731.099	29.491.612.831
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***18.539.076.671***	***6.037.455.134***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	12.186.719.897	4.749.395.614
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.460.236.093	204.175.896
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		4.892.120.681	1.083.883.624
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**8.772.936.323.497**	**7.661.421.636.864**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***637.628.957.500***	***700.892.957.500***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	608.125.000.000	700.625.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	29.503.957.500	267.957.500
220	***II. Tài sản cố định***		***47.861.340.723***	***64.156.010.730***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	47.806.896.275	64.156.010.730
222	Nguyên giá		155.293.026.390	171.163.966.291
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(107.486.130.115)	(107.007.955.561)
227	2. Tài sản cố định vô hình		54.444.448	-
228	Nguyên giá		130.000.000	60.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(75.555.552)	(60.000.000)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***13***	***305.512.675.227***	***232.934.455.621***
231	1. Nguyên giá		387.518.394.723	294.967.913.005
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(82.005.719.496)	(62.033.457.384)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***32.290.749.049***	***17.038.540.028***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	32.290.749.049	17.038.540.028
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***	***15***	***7.718.521.548.407***	***6.616.743.677.932***
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.922.220.193.368	5.782.454.646.591
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		2.796.301.355.039	834.289.031.341
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***31.121.052.591***	***29.655.995.053***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	31.121.052.591	29.655.995.053
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**11.905.473.909.501**	**8.804.738.233.299**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**6.395.732.556.611**	**3.683.731.943.746**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***2.492.010.427.670***	***1.992.237.841.753***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	497.620.558.360	80.523.928.308
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		193.978.357	1.947.468.497
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	283.435.039	400.181.852
314	4. Phải trả người lao động		9.537.544.095	6.708.793.085
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	73.472.959.375	45.647.203.860
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	8.661.615.813	6.777.266.439
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	1.191.809.013.881	928.237.249.902
320	8. Vay và nợ ngắn hạn	22	696.618.764.402	912.193.399.057
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		5.382.631.746	2.123.935.262
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.429.926.602	7.678.415.491
330	***II. Nợ dài hạn***		***3.903.722.128.941***	***1.691.494.101.993***
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	174.887.579.086	43.642.636.966
337	2. Phải trả dài hạn khác	21	20.096.032.766	518.792.794.209
338	3. Vay và nợ dài hạn	22	3.708.738.517.089	1.122.880.158.322
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		-	6.178.512.496
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**5.509.741.352.890**	**5.121.006.289.553**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***23***	***5.507.979.950.121***	***5.119.089.920.116***
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		4.882.440.000.000	4.882.440.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*4.882.440.000.000*	*4.882.440.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		13.074.761.451	66.457.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(102.997.990.700)	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		715.463.179.370	170.192.920.116
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*167.192.920.116*	*80.906.410.969*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*548.270.259.254*	*89.286.509.147*
430	***II. Nguồn kinh phí và quỹ khác***		***1.761.402.769***	***1.916.369.437***
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		1.761.402.769	1.916.369.437
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**11.905.473.909.501**	**8.804.738.233.299**

Nguyễn Thị Nga	Phạm Tuấn Anh	Nguyễn Văn Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**24.1**	**2.971.808.572.556**	**2.524.351.214.229**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**24.1**	**(185.249.392)**	**(167.187.000)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**24.1**	**2.971.623.323.164**	**2.524.184.027.229**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**25**	**(2.886.869.303.658)**	**(2.450.397.153.543)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**84.754.019.506**	**73.786.873.686**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**24.2**	**984.618.741.769**	**361.367.232.473**
22	**7. Chi phí tài chính**	**26**	**(429.335.526.426)**	**(269.210.044.492)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(262.518.931.924)*	*(193.065.816.580)*
25	**8. Chi phí bán hàng**	**27**	**(7.618.800.809)**	**(3.362.466.373)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**27**	**(86.137.807.392)**	**(74.653.394.185)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**546.280.626.648**	**87.928.201.109**
31	**11. Thu nhập khác**		**3.169.940.920**	**1.383.824.019**
32	**12. Chi phí khác**		**(1.180.308.314)**	**(25.515.981)**
40	**13. Lợi nhuận khác**		**1.989.632.606**	**1.358.308.038**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**548.270.259.254**	**89.286.509.147**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**29.1**	**-**	**-**
60	**16. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**548.270.259.254**	**89.286.509.147**

Nguyễn Thị Nga	Phạm Tuấn Anh	Nguyễn Văn Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**548.270.259.254**	**89.286.509.147**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		20.933.705.954	19.828.888.654
03	Các khoản hoàn nhập dự phòng		(3.379.226.793)	(8.664.130.097)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.639.544.002)	(719.283.725)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(951.902.497.528)	(349.425.763.445)
06	Chi phí lãi vay	26	262.518.931.924	193.065.816.580
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(127.198.371.191)**	**(56.627.962.886)**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(407.367.197.946)	151.151.007.634
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(110.583.118.268)	67.671.235.465
11	Tăng các khoản phải trả		348.434.441.447	473.087.204.183
12	Tăng chi phí trả trước		(8.902.381.821)	(5.866.432.672)
13	(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		(140.897.336.198)	92.726.936
14	Tiền lãi vay đã trả		(208.822.185.935)	(208.748.910.830)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(863.243.160)	(27.424.900.258)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.248.488.889)	(3.228.366.656)
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh**		**(658.447.881.961)**	**390.105.600.916**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(97.566.970.727)	(5.266.173.887)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		516.392.891	1.363.636.364
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.218.771.008.134)	(3.180.300.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.190.666.662.080	3.324.375.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.678.194.855.008)	(1.560.091.029.902)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.917.282.934.684	636.974.947.240
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		591.889.512.337	411.389.529.767
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(1.294.177.331.877)**	**(371.554.090.418)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và bán cổ phiếu quỹ		143.587.600.000	228.457.000.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(299.967.829.249)	-
33	Tiền thu từ đi vay		4.091.683.285.130	3.074.702.583.187
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.771.100.158.679)	(3.389.499.518.948)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.430.000)	(137.995.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**2.164.196.467.202**	**(86.477.930.761)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**211.571.253.364**	**(67.926.420.263)**
60	**Tiền đầu năm**		**28.953.302.734**	**96.894.594.635**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(30.553.245)	(14.871.638)
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**240.494.002.853**	**28.953.302.734**

Nguyễn Thị Nga	Phạm Tuấn Anh	Nguyễn Văn Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện, được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 21 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 90 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 92 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX ("Hạ tầng Gelex") [trước đây là Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX]	99,998%	99,998%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng
2	Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX ("Gelex Electric") [trước đây là Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX]	99,998%	99,998%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư và kinh doanh sản phẩm trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Gelex Electric:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	95,82%	95,82%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	77,01%	77,01%	Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	89,69%	89,69%	Đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
4	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	100%	100%	Đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện từ và cáp viễn thông
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện EMIC ("Emic")	74,99%	74,99%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị đo điện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Gelex Electric cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	100%	100%	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power ("G-Power")	100%	100%	Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Gelex Electric cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau (tiếp theo):

Công ty Thibidi:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	51%	51%	Số 186, tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp

Công ty Hạ tầng Gelex:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	73,16%	73,16%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("Gelex Ninh Thuận")	100%	100%	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	60,46%	60,46%	Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất và cung cấp nước sạch
4	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng ("Hướng Phùng") (*)	98,87%	98,87%	Số 3 Nguyễn Viết Xuân, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
5	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Quảng Trị ("Gelex Quảng Trị") (*)	98,65%	98,65%	Số 3 Nguyễn Viết Xuân, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
6	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Đắk Lắk (*)	80%	80%	Số 21, đường Hoàng Hoa Thám, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
7	Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex Tây Ninh (*)	98%	98%	Số 087, đường Huỳnh Văn Lợi, khu phố 1, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Gelex	51%	51%	Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
9	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải ("Đông Hải")	88%	88%	Lô A23 KCN Sóng Thần 3, đường Điện Biên Phủ, phường Phú Tân, thành phố Phủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
10	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land ("Gelex Land")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

(*) Các công ty con này chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh chính do vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Hạ tầng Gelex cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau (tiếp theo):

Công ty Gelex Ninh Thuận:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty Cổ phần Điện mặt trời Mái nhà Việt nam	99,8%	99,8%	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty Cổ phần Điện mặt trời Mái nhà	99,8%	99,8%	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty Cổ phần Năng lượng điện Mái nhà	99,8%	99,8%	Thôn Sơn Hải, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất điện mặt trời

Công ty Gelex Quảng trị:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty TNHH Một thành viên Mirai Quảng Trị (*)	100%	100%	Số 3, Nguyễn Viết Xuân, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió

(*) Công ty con này chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh chính do vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Hạ tầng Gelex cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau (tiếp theo):

Công ty Đông Hải:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 1 (*)	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 2	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 3	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 4	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 5 (*)	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
6	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 6 (*)	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
7	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 7 (*)	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời
8	Công ty Cổ phần Năng lượng Đông Hải số 8 (*)	99,996%	99,996%	Tầng 6, Tòa nhà D'Office, đường Thành Thái, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện mặt trời

(*) Các công ty con này chưa có hoạt động sản xuất kinh doanh chính do vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Tổng Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị và tài sản khác (*)	5 - 15 năm

(*) gắn liền với nhà cửa, vật kiến trúc là bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn;
- Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền; và
- Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký vào năm 2004 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu. các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các khoản dự phòng

Tổng Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tổng Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Tăng vốn chủ sở hữu thông qua thực hiện chứng quyền

Vốn cổ phần tăng (do các bên nắm giữ Chứng quyền phát hành bởi Tổng Công ty thực hiện quyền mua cổ phần của Chứng quyền) được góp bằng tiền và được ghi nhận theo số tiền thực góp, bao gồm:

- Vốn cổ phần tăng = số lượng cổ phiếu được phát hành (X) mệnh giá mỗi cổ phiếu.

  Trong đó:
  - Số lượng cổ phiếu được phát hành tương ứng với số Chứng quyền được thực hiện quyền mua cổ phần.
  - Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

- Thặng dư vốn cổ phần bao gồm:
  - Phần chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu khi thực hiện Chứng quyền (theo quy định của Hợp đồng phát hành Chứng quyền) và mệnh giá cổ phiếu;
  - Giá trị phát hành Chứng quyền tương ứng với số lượng Chứng quyền thực hiện; và
  - Các chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.16 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán/chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm là quản lý vốn và mua bán nguyên vật liệu tập trung cho các công ty con. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hoạt động của Tổng Công ty hoặc do Tổng Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tổng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Tổng Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận trên báo cáo tài chính riêng.

3.22 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. NGHIỆP VỤ BÁN CÔNG TY CON TRỌNG YẾU TRONG NĂM

Bán vốn góp tại Công ty TNHH MTV Gelex Logistics ("Gelex Logistics")

Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Gelex Logistics cho một đối tác doanh nghiệp. Theo đó, Tổng Công ty đã mất quyền kiểm soát trực tiếp tại Công ty Gelex Logistics và gián tiếp tại các công ty con của Công ty Gelex Logistics như trình bày dưới đây:

- Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
- Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics
- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam
- Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans
- Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam
- Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam

Khoản lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng nêu trên đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty (*Thuyết minh số 24.2*).

5. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	873.966.395	765.536.973
Tiền gửi ngân hàng	239.615.873.933	28.187.765.761
Tiền đang chuyển	4.162.525	-
TỔNG CỘNG	**240.494.002.853**	**28.953.302.734**

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
Chứng khoán niêm yết (i)	390.897.336.198	415.317.457.000	-	-	-	-
Trái phiếu	-	-	-	250.000.000.000	(ii)	-
TỔNG CỘNG	**390.897.336.198**	**415.317.457.000**	**-**	**250.000.000.000**		**-**

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (*)	390.897.336.198	415.317.457.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	**390.897.336.198**	**415.317.457.000**	**-**	**-**	**-**	**-**

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH (tiếp theo)

(*) Tương ứng với 14.993.410 cổ phiếu (chiếm 4,7% vốn cổ phần) của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng.

(ii) Do trái phiếu doanh nghiệp này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tổng Công ty chưa thể thuyết minh giá trị hợp lý.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	13.039.444.808	14.937.397.549
- *Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu Điện Hà Nội*	*5.763.936.875*	*5.763.936.875*
- *Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội*	*3.103.978.500*	*3.103.978.500*
- *Các khách hàng khác*	*4.171.529.433*	*6.069.482.174*
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	244.084.593.537	29.552.258.026
TỔNG CỘNG	**257.124.038.345**	**44.489.655.575**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.906.914.197)	(10.366.324.978)

Quyền thụ hưởng một số khoản phải thu được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Tổng Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 22.1.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)* (*)	1.688.079.346.054	-	567.475.000.000	-
TỔNG CỘNG	**1.692.079.346.054**	**(4.000.000.000)**	**571.475.000.000**	**(4.000.000.000)**
Dài hạn				
Phải thu về cho vay dài hạn từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)* (*)	608.125.000.000	-	700.625.000.000	-
TỔNG CỘNG	**608.125.000.000**	-	**700.625.000.000**	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(*) Đây là các khoản cho các công ty con vay tín chấp với chi tiết như sau:

Bên đi vay	*Số cuối năm VND*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất (%/năm)*
Ngắn hạn			
Công ty Hạ tầng Gelex	1.163.100.000.000	Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 28 tháng 12 năm 2021. Lãi trả cùng với gốc khi đáo hạn.	10%
Công ty Gelex Electric	488.104.346.054	Đáo hạn ngày 25 tháng 11 năm 2021. Lãi trả cùng với gốc khi đáo hạn.	10%
Công ty Gelex Ninh Thuận	36.875.000.000	Đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2021. Lãi trả hàng quý.	9,5%
TỔNG CỘNG	**1.688.079.346.054**		
Dài hạn			
Công ty Gelex Ninh Thuận	608.125.000.000	Gốc vay cuối cùng thanh toán ngày 31 tháng 12 năm 2029. Lãi trả hàng quý.	9,5%
TỔNG CỘNG	**608.125.000.000**		

9. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ (*)	184.780.341.204	-	64.099.163.378	-
Đặt cọc hợp tác đầu tư (**)	30.000.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	176.701.316.360	(135.000.000)	57.569.623.706	(135.000.000)
Tạm ứng cho nhân viên	12.288.050.000	-	1.796.632.398	-
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần	-	-	100.000.000.000	-
Phải thu lãi đặt cọc mua cổ phần, hợp tác đầu tư	1.161.643.836	-	2.498.630.137	-
Phải thu khác	1.382.319.252	-	839.187.023	-
TỔNG CỘNG	**406.313.670.652**	**(135.000.000)**	**226.803.236.642**	**(135.000.000)**
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ (***)	29.503.957.500	-	267.957.500	-
TỔNG CỘNG	**29.503.957.500**	**-**	**267.957.500**	**-**
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*175.682.869.594*	*-*	*46.092.109.590*	*-*
Phải thu khác	*260.134.758.558*	*(135.000.000)*	*180.979.084.552*	*(135.000.000)*

(*) Đây chủ yếu là các khoản tiền ký quỹ liên quan đến hoạt động mua nhập khẩu vật tư tập trung, hưởng lãi suất từ 3% đến 4,9%/năm.

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(**) Đây là khoản đặt cọc đầu tư tham gia dự án phát triển bất động sản trong khu vực miền Nam cho đối tác doanh nghiệp và được hưởng lãi cố định là 3 tỷ VND/năm (tính theo số ngày phát sinh thực tế trong năm).

(***) Đây chủ yếu là khoản ký quỹ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội để thực hiện dự án Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn.

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc (VND)	*Giá trị có thể thu hồi (VND)*	*Giá gốc (VND)*	*Giá trị có thể thu hồi (VND)*
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	7.238.978.500	-	7.238.978.500	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu Điện Hà Nội	5.763.936.875	-	5.763.936.875	-
Các khoản khác	1.038.998.822	-	1.498.409.603	-
TỔNG CỘNG	**14.041.914.197**	**-**	**14.501.324.978**	**-**

11. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Hàng mua đang đi đường	140.074.731.099	-	28.549.999.870	-
Hàng hóa	-	-	820.893.265	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	-	-	120.719.696	-
TỔNG CỘNG	**140.074.731.099**	**-**	**29.491.612.831**	**-**

Hàng tồn kho của Công ty được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Tổng Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 22.1.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính:VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Thiết bị, dụng cụ quản lý*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	126.204.606.588	30.410.400.659	3.420.450.909	11.128.508.135	171.163.966.291
- Mua trong năm	-	-	-	51.363.636	51.363.636
- Kết chuyển sang bất động sản đầu tư (*Thuyết minh số 13*)	(9.412.448.014)	(1.009.326.341)	-	(4.376.798.273)	(14.798.572.628)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.123.730.909)	-	(1.123.730.909)
Số cuối năm	116.792.158.574	29.401.074.318	2.296.720.000	6.803.073.498	155.293.026.390
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*58.624.619.531*	*23.541.216.150*	-	*813.213.886*	*82.979.049.567*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	75.306.497.974	25.303.306.695	1.486.249.104	4.911.901.788	107.007.955.561
- Khấu hao trong năm	2.270.856.189	640.753.899	412.386.860	1.180.079.670	4.504.076.618
- Kết chuyển sang bất động sản đầu tư (*Thuyết minh số 13*)	(987.013.558)	(361.628.897)	-	(2.054.579.205)	(3.403.221.660)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(622.680.404)	-	(622.680.404)
Số cuối năm	76.590.340.605	25.582.431.697	1.275.955.560	4.037.402.253	107.486.130.115
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	50.898.108.614	5.107.093.964	1.934.201.805	6.216.606.347	64.156.010.730
Số cuối năm	40.201.817.969	3.818.642.621	1.020.764.440	2.765.671.245	47.806.896.275

Một số tài sản cố định hữu hình bao gồm Tòa nhà GELEX Tower (phần diện tích sử dụng nội bộ) tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thanh phố Hà Nội với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 11 tỷ VND, đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 22.3.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị và tài sản khác (*)*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm	187.610.671.430	107.357.241.575	294.967.913.005
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	77.751.909.090	-	77.751.909.090
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình	9.412.448.014	5.386.124.614	14.798.572.628
Số cuối năm	274.775.028.534	112.743.366.189	387.518.394.723
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	*4.414.872.669*	*4.414.872.669*
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	18.109.674.564	43.923.782.820	62.033.457.384
- Khấu hao trong năm	6.454.352.670	10.114.687.782	16.569.040.452
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình	987.013.558	2.416.208.102	3.403.221.660
Số cuối năm	25.551.040.792	56.454.678.704	82.005.719.496
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	169.500.996.866	63.433.458.755	232.934.455.621
Số cuối năm	249.223.987.742	56.288.687.485	305.512.675.227

(*) Chủ yếu là máy móc, thiết bị gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà GELEX Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Bất động sản đầu tư bao gồm:

- Tòa nhà GELEX Tower (phần diện tích cho thuê) và máy móc, thiết bị gắn liền với tòa nhà tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 230,3 tỷ VND, đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 22.2.
- Nhà xưởng cho thuê tại địa chỉ số Khu Công nghiệp Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	32.290.749.049	12.702.914.314
Cải tạo văn phòng tòa nhà Gelex	-	4.302.721.169
Khác	-	32.904.545
TỔNG CỘNG	**32.290.749.049**	**17.038.540.028**

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				*Số đầu năm*			
	Tỷ lệ sở hữu	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Đầu tư vào công ty con		**4.922.220.193.368**	**-**			**5.782.454.646.591**	**-**	
Công ty Hạ tầng Gelex (i)	99,998%	2.700.000.000.000	-	(*)	100%	2.300.000.000.000	-	(*)
Công ty Gelex Electric	99,998%	2.222.220.193.368	-	(*)	100%	2.222.264.638.660	-	(*)
Công ty TNHH Một thành viên GELEX Logistics (ii)	-	-	-	-	100%	1.210.190.007.931	-	(*)
Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land (iii)	-	-	-	-	100%	50.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết		**2.796.301.355.039**	**-**	**3.260.483.098.000**		**834.289.031.341**	**-**	
Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT (iv)	-	-	-	-	36,35%	69.285.387.977	-	(*)
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (v)	-	-	-	-	20,25%	241.621.250.000	-	175.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (vi) (**)	6,37%	51.858.695.455	-	59.543.090.000	-	-	-	-
Tổng Công ty Viglacera – CTCP (vii) (***)	26,64%	2.744.442.659.584	-	3.200.940.008.000	5,54%	523.382.393.364	-	456.827.840.000
TỔNG CỘNG		**7.718.521.548.407**	**-**			**6.616.743.677.932**	**-**	

(*) Do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tổng Công ty chưa thể thuyết minh giá trị hợp lý.

(i) Trong năm, Tổng Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty Hạ tầng Gelex với tổng số tiền là 400 tỷ VND. Vào ngày 1 tháng 10 năm 2020, Công ty Hạ tầng Gelex đã nhận thêm vốn góp từ các cổ đông khác với số tiền là 50 triệu VND và chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần, dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Hạ tầng Gelex giảm xuống còn 99,998%.

(ii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty đã bán toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Một thành viên Gelex Logistics cho một đối tác doanh nghiệp.

(iii) Vào ngày 2 tháng 11 năm 2020, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV GELEX Land cho Công ty Hạ tầng Gelex (công ty con mà Tổng Công ty sở hữu 99,998% vốn điều lệ).

(iv) Vào ngày 27 tháng 11 năm 2020, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT cho Công ty Gelex Electric (công ty con mà Tổng Công ty sở hữu 99,998% vốn điều lệ).

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(v) Trong năm 2020, Tổng Công ty đã bán toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai cho một đối tác doanh nghiệp.

(vi) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện giao dịch mua 5.269.300 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn ("Công ty Long Sơn"). Tỷ lệ biểu quyết mà Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Long Sơn là 25,47%, bao gồm 6,37% tỷ lệ biểu quyết nắm giữ bởi Tổng Công ty và 19,1% tỷ lệ biểu quyết nắm giữ bởi Công ty Hạ tầng Gelex (công ty con mà Tổng Công ty sở hữu 99,998% vốn điều lệ).

(vii) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện giao dịch mua thêm 94.610.460 cổ phần tương ứng với 21,1% vốn điều lệ của Tổng Công ty Viglacera – CTCP với tổng giá phí là 2.226 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP lên 26,64% kể từ ngày 2 tháng 10 năm 2020. Tỷ lệ biểu quyết mà Tổng Công ty nắm giữ tại Tổng Công ty Viglacera – CTCP là 46,07%, bao gồm 26,64% tỷ lệ biểu quyết nắm giữ bởi Tổng Công ty và 19,43% tỷ lệ biểu quyết nắm giữ bởi Công ty Gelex Electric (công ty con mà Tổng Công ty sở hữu 99,998% vốn điều lệ).

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

(**) Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn ("Công ty Long Sơn") được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4903000409 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 9 tháng 8 năm 2007, sau này được đổi tên và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 7 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty Long Sơn là đầu tư và kinh doanh bất động sản.

(***) Tổng Công ty Viglacera – Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng được thành lập theo Quyết định số 991/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Sau đó, Tổng Công ty Viglacera được cổ phần hóa theo Quyết định số 2343/QĐ-TTg ngày 2 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 7 năm 2014 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty Viglacera là sản xuất sản phẩm kính, sứ vệ sinh, kinh doanh bất động sản, quản lý vận hành khu công nghiệp và xây lắp.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước liên quan đến trái phiếu	10.630.642.223	4.538.984.738
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.556.077.674	210.410.876
TỔNG CỘNG	**12.186.719.897**	**4.749.395.614**
Dài hạn		
Chi phí nội thất và cải tạo văn phòng	11.241.120.897	10.314.725.781
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền (*)	10.608.541.684	11.142.164.848
Chi phí thuê đất trả trước (*)	6.604.470.888	6.801.405.852
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.463.099.278	1.117.370.939
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.203.819.844	280.327.633
TỔNG CỘNG	**31.121.052.591**	**29.655.995.053**

(*) Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền và chi phí thuê đất trả trước là các khoản chi phí liên quan đến khu đất thuộc Khu công nghiệp Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, hiện đang được Công ty Emic, Công ty Cadivi và Công ty Cadivi Đồng Nai, các công ty con gián tiếp của Tổng Công ty, thuê lại.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán ngắn hạn	497.482.033.433	497.482.033.433	72.822.576.676	72.822.576.676
LS-Nikko Copper Inc. (*)	*296.152.600.946*	*296.152.600.946*	-	-
SOFIA MED	*84.957.736.988*	*84.957.736.988*	*15.858.281.029*	*15.858.281.029*
Mitsui & Co., Ltd	*57.321.031.338*	*57.321.031.338*	-	-
Phải trả đối tượng khác	*59.050.664.161*	*59.050.664.161*	*56.964.295.647*	*56.964.295.647*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	138.524.927	138.524.927	7.701.351.632	7.701.351.632
TỔNG CỘNG	**497.620.558.360**	**497.620.558.360**	**80.523.928.308**	**80.523.928.308**

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản phải trả Công ty LS-Nikko Copper Inc. về mua nguyên vật liệu theo hình thức trả chậm có thời hạn 6 tháng, chịu mức lãi suất năm (tiền USD) bằng LIBOR 6M+0,7%.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	-	278.698.950.483	(278.698.950.483)	-
Thuế nhập khẩu	-	5.326.787.015	(5.326.787.015)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	863.243.160	(863.243.160)	-
Thuế thu nhập cá nhân	385.510.273	4.167.806.448	(4.271.897.721)	281.419.000
Thuế nhà đất	-	16.848.915.923	(16.848.915.923)	-
Các loại thuế khác	14.671.579	1.785.084.258	(1.797.739.798)	2.016.039
TỔNG CỘNG	**400.181.852**	**307.690.787.287**	**(307.807.534.100)**	**283.435.039**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay	64.908.247.987	11.211.501.998
Phí thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	5.527.441.170	6.595.064.295
Chi phí liên quan đến trái phiếu phát hành	2.242.708.327	26.084.126.055
Chi phí phải trả khác	794.561.891	1.756.511.512
TỔNG CỘNG	**73.472.959.375**	**45.647.203.860**

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	6.843.075.232	6.777.266.439
Lãi bán hàng trả chậm	1.818.540.581	-
TỔNG CỘNG	**8.661.615.813**	**6.777.266.439**
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	42.553.655.782	43.642.636.966
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	132.333.923.304	-
TỔNG CỘNG	**174.887.579.086**	**43.642.636.966**
Trong đó:		
Doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*134.152.463.885*	-
Phải trả các bên khác	*49.396.731.014*	*50.419.903.405*

21. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Số dư thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng (i)	989.349.439.612	852.314.359.852
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn (ii)	161.093.730.237	40.466.662.975
Nhận đặt cọc thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí lãi vay, lãi ký quỹ	12.923.680.870	12.746.296.631
Trợ cấp thôi việc và hỗ trợ tìm việc làm cho người lao động	3.490.775.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.951.388.162	2.709.930.444
TỔNG CỘNG	**1.191.809.013.881**	**928.237.249.902**
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	20.096.032.766	518.792.794.209
TỔNG CỘNG	**20.096.032.766**	**518.792.794.209**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*176.031.085.377*	*554.906.715.336*
Phải trả các bên khác	*1.035.873.961.270*	*892.123.328.775*

(i) Liên quan tới nghiệp vụ mua nguyên vật liệu và thanh toán qua LC với ngân hàng, các thư tín dụng này được nhận nợ bằng USD và có lãi suất từ 2,07%/năm đến 2,87%/năm, thư tín dụng cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 6 năm 2021.

(ii) Bao gồm khoản nhận ký quỹ mua vật tư từ Công ty Cadivi Đồng Nai, một công ty con của Tổng Công ty, với số tiền là 160 tỷ VND, thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 và lãi suất 6%/năm.

22. VAY

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	22.1	179.100.005.576	179.100.005.576	591.856.581.548	(466.121.332.316)	304.835.254.808	304.835.254.808
Vay tổ chức	22.2	-	-	941.762.335.957	(549.978.826.363)	391.783.509.594	391.783.509.594
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả		696.093.393.481	696.093.393.481	3.906.606.519	(700.000.000.000)	-	-
Vay các bên liên quan		37.000.000.000	37.000.000.000	18.000.000.000	(55.000.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG		**912.193.399.057**	**912.193.399.057**	**1.555.525.524.024**	**(1.771.100.158.679)**	**696.618.764.402**	**696.618.764.402**
Vay dài hạn							
Trái phiếu phát hành	22.3	1.122.880.158.322	1.122.880.158.322	2.585.858.358.767	-	3.708.738.517.089	3.708.738.517.089
TỔNG CỘNG		**1.122.880.158.322**	**1.122.880.158.322**	**2.585.858.358.767**	**-**	**3.708.738.517.089**	**3.708.738.517.089**

22.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm VND*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	80.424.244.817	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 8 tháng 6 năm 2021	5,8% - 7,6%	Hàng tồn kho và quyền thụ hưởng các khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng bán hàng hóa.
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	209.324.754.851	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 10 tháng 6 năm 2021	7% - 7,7%	Quyền thụ hưởng các khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng bán hàng hóa.
Ngân hàng TNCP Quân Đội – CN Hoàn Kiếm	15.086.255.140	Kỳ hạn 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 30 tháng 6 năm 2021	6%	Động sản, hàng hóa và khoản phải thu hình thành từ Phương án do Ngân hàng tài trợ.
TỔNG CỘNG	**304.835.254.808**			

22. VAY (tiếp theo)

22.2 *Các khoản vay các tổ chức ngắn hạn*

Bao gồm các khoản vay từ các tổ chức doanh nghiệp có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất thỏa thuận, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 3 năm 2021, có tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu nắm giữ bởi Tổng Công ty.

22.3 *Trái phiếu phát hành*

Chi tiết các khoản trái phiếu phát hành bằng VND cụ thể như sau:

Đơn vị bảo lãnh/tư vấn phát hành	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*	*Tài sản đảm bảo*
	VND			
Quỹ Đầu tư và Đảm bảo tín dụng (Credit Guarantee and Investment Facility - CGIF)	1.150.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2029	Lãi suất cố định 6,95%/năm, trả lãi 6 tháng/lần	18.200.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cadivi và 18.000.000 cổ phiếu của Công ty Thibidi thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric; quyền phải thu liên quan đến hợp đồng cho vay Công ty Gelex Ninh Thuận của Tổng Công ty.
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX [trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán IB]	300.000.000.000	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	Lãi suất cố định 10%/năm, trả lãi 6 tháng/lần	8.900.000 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh thuộc sở hữu của Công ty Thibidi và bên thứ ba; 3.800.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Thibidi thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric.
	400.000.000.000	Ngày 15 tháng 4 năm 2023	Lãi suất 9,5%/năm cho 3 tháng đầu tiên và sau đó là lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm, lãi trả 6 tháng/lần	Tài sản thuộc tòa nhà Gelex 52 Lê Đại Hành và phần vốn góp trị giá 400 tỷ VND trong Công ty Hạ tầng Gelex.
	300.000.000.000	Ngày 13 tháng 5 năm 2023	Lãi suất cố định 9,5%/năm, lãi trả 6 tháng/lần	13.500.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Viwasupco thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng Gelex.
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	700.000.000.000	Ngày 29 tháng 5 năm 2023	Lãi suất cố định 6,5%/năm hoặc 9%/năm theo từng hợp đồng, lãi trả 6 tháng/lần	13.736.985 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cadivi thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric và 8.500.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Viwasupco thuộc sở hữu của Công ty Hạ tầng Gelex.

22. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

22.3 *Trái phiếu phát hành* (tiếp theo)

Chi tiết các khoản trái phiếu phát hành bằng VND cụ thể như sau (tiếp theo):

Đơn vị tư vấn phát hành	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*	*Tài sản đảm bảo*
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	350.000.000.000	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo ngày 13 tháng 7 năm 2023	Lãi suất cố định 10%/năm, trả lãi 6 tháng/lần	4.100.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cadivi và 14.000.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Thibidi thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric.
	150.000.000.000	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn ngày 6 tháng 8 năm 2023	Lãi suất cố định 10%/năm, trả lãi 6 tháng/lần	898.850 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Viglacera - CTCP thuộc sở hữu của Công ty Gelex Electric và 13.000.000 cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty Viglacera - CTCP thuộc sở hữu của Tổng Công ty.
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	400.000.000.000	Khoản trái phiếu cuối cùng đáo hạn ngày 23 tháng 7 năm 2023	Lãi suất cố định 10%/năm, trả lãi 6 tháng/lần	22.666.667 cổ phiếu phổ thông của Công ty Viwasupco thuộc sở hữu của Công ty Hạ Tầng Gelex.
Chi phí phát hành trái phiếu	(41.261.482.911)			
TỔNG CỘNG	**3.708.738.517.089**			

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	4.065.600.000.000	547.112.000.000	-	172.334.410.969	4.785.046.410.969
- Tăng vốn trong năm	180.000.000.000	66.457.000.000	-	-	246.457.000.000
- Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	636.840.000.000	(547.112.000.000)	-	(89.728.000.000)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	89.286.509.147	89.286.509.147
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
Số cuối năm	**4.882.440.000.000**	**66.457.000.000**	**-**	**170.192.920.116**	**5.119.089.920.116**
Năm nay					
Số đầu năm	4.882.440.000.000	66.457.000.000	-	170.192.920.116	5.119.089.920.116
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	548.270.259.254	548.270.259.254
- Mua cổ phiếu quỹ (i)	-	-	(299.967.829.249)	-	(299.967.829.249)
- Bán cổ phiếu quỹ cho nhân viên (ii)	-	(53.382.238.549)	196.969.838.549	-	143.587.600.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số cuối năm	**4.882.440.000.000**	**13.074.761.451**	**(102.997.990.700)**	**715.463.179.370**	**5.507.979.950.121**

(i) Thực hiện theo chủ trương phê duyệt tại Nghị quyết số 03/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Công ty đã tiến hành mua lại 18.274.950 cổ phiếu.

(ii) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) số 04/2020/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 53/2020/GELEX/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2020, Tổng Công ty đã hoàn thành việc bán 12.000.000 cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với giá 12.000 VND/cổ phiếu trong năm.

(iii) Theo Nghị quyết số 02/2020/GELEX-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông, Tổng Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền là 3 tỷ VND.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	**488.244.000**	**488.244.000**
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	**488.244.000**	**488.244.000**
Cổ phiếu phổ thông	488.244.000	488.244.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	**6.274.950**	**-**
Cổ phiếu phổ thông	6.274.950	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	**481.969.050**	**488.244.000**
Cổ phiếu phổ thông	481.969.050	488.244.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	4.882.440.000.000	4.065.600.000.000
Tăng vốn trong năm	-	816.840.000.000
Số cuối năm	4.882.440.000.000	4.882.440.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia/đã công bố	**-**	**-**

23.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng số	*Cổ phiếu phổ thông*	*Cổ phiếu ưu đãi*	*Tổng số*	*Cổ phiếu phổ thông*	*Cổ phiếu ưu đãi*
Vốn góp	4.882.440.000.000	4.882.440.000.000	-	4.882.440.000.000	4.882.440.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	13.074.761.451	13.074.761.451	-	66.457.000.000	66.457.000.000	-
Cổ phiếu quỹ	(102.997.990.700)	(102.997.990.700)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	**4.792.516.770.751**	**4.792.516.770.751**	**-**	**4.948.897.000.000**	**4.948.897.000.000**	**-**

24. DOANH THU

24.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**2.971.808.572.556**	**2.524.351.214.229**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	2.855.392.004.854	2.418.617.577.035
Doanh thu cung cấp dịch vụ	116.416.567.702	105.733.637.194
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(185.249.392)**	**(167.187.000)**
Doanh thu thuần	**2.971.623.323.164**	**2.524.184.027.229**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*87.868.771.356*	*87.670.604.724*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*2.883.754.551.808*	*2.436.513.422.505*

24.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức, lợi nhuận được chia	481.550.738.667	253.424.521.539
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (*)	247.548.093.484	1.783.810.666
Lãi tiền gửi, cho vay, đặt cọc, hợp tác đầu tư	224.497.912.032	92.853.794.876
Lãi kinh doanh chứng khoán	24.449.893.074	9.722.511.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.192.599.191	3.582.594.392
Lãi bán hàng trả chậm	379.505.321	-
TỔNG CỘNG	**984.618.741.769**	**361.367.232.473**

(*) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi bán các khoản đầu tư chủ yếu bao gồm khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Gelex Logistics như trình bày tại Thuyết minh số 4.

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.833.685.052.767	2.400.161.726.029
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	53.184.250.891	50.235.427.514
TỔNG CỘNG	**2.886.869.303.658**	**2.450.397.153.543**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	262.518.931.924	193.065.816.580
Chi phí bảo lãnh thanh toán, phí quản lý tài sản đảm bảo và tư vấn phát hành trái phiếu	54.627.849.318	15.786.720.969
Lãi ký quỹ	54.212.438.353	20.514.439.017
Phí UPAS, phí và lãi mua hàng trả chậm	30.079.109.025	34.533.845.209
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.566.823.218	10.513.480.679
Lỗ kinh doanh chứng khoán	5.534.800.000	-
Dự phòng thuần về giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(5.704.153.487)
Chi phí tài chính khác	2.795.574.588	499.895.525
TỔNG CỘNG	**429.335.526.426**	**269.210.044.492**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.742.736.071	7.715.464.373
Hoàn nhập chi phí bảo hành	(2.123.935.262)	(4.352.998.000)
TỔNG CỘNG	**7.618.800.809**	**3.362.466.373**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	40.894.972.177	28.749.695.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.164.049.406	2.706.256.253
Thuế, phí, lệ phí	7.061.024.505	7.868.275.634
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(459.410.781)	1.393.021.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.399.987.693	19.820.874.852
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.077.184.392	14.115.270.362
TỔNG CỘNG	**86.137.807.392**	**74.653.394.185**

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	428.861.444	898.322.397
Chi phí nhân công	47.265.580.597	36.176.371.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.933.705.954	19.828.888.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.984.117.052	46.360.692.253
Chi phí khác	27.328.594.045	24.987.013.478
TỔNG CỘNG	**146.940.859.092**	**128.251.288.072**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Tổng Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	548.270.259.254	89.286.509.147
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	109.654.051.851	17.857.301.829
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	-	29.862.557.305
Chi phí không được khấu trừ khác	2.300.588.783	1.398.338.970
Tài sản thuế TNDN hoãn lại về lỗ tính thuế chưa ghi nhận	-	1.566.706.204
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(96.310.147.733)	(50.684.904.308)
Chi phí lãi vay thuần bị loại trong năm trước được khấu trừ trong năm nay (*)	(7.914.065.872)	-
Lỗ năm trước chuyển sang (**)	(7.213.757.821)	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành bán hàng theo biên bản thanh tra thuế	(424.787.052)	-
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi không hợp lệ các năm trước	(91.882.156)	
Chi phí thuế TNDN	**-**	**-**

(*) Đây là khoản chi phí lãi vay thuần đã bị loại trong kỳ tính thuế năm 2019 và được chuyển thành chi phí lãi vay thuần được trừ trong kỳ này theo hướng dẫn của Nghị định 132/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020.

(**) Khoản lỗ tính thuế trong năm 2017 và 2019 được ước tính lại do xác định lại chi phí lãi vay được trừ khi tính thuế TNDN theo hướng dẫn của Nghị định 132/2020/NĐ-CP và đã được bù trừ một phần vào thu nhập chịu thuế trong kỳ này.

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2020*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2020*
2017	2022	56.822.458.386	(56.822.458.386)	-	-
2019	2024 (*)	114.252.818.790	(36.068.789.107)	-	78.184.029.683
TỔNG CỘNG		**171.075.277.176**	**(92.891.247.493)**	**-**	**78.184.029.683**

(*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai tại thời điểm này.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cadivi	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	85.275.003.606	1.186.193.917.464
		Lãi ký quỹ, đặt cọc	15.856.273.972	-
		Nhận đặt cọc, ký quỹ	340.000.000.000	-
		Hoàn trả tiền ký quỹ	340.000.000.000	-
		Nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng	22.536.327.739	-
Công ty Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	2.098.699.958.206	143.640.953.380
		Nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng	113.344.471.865	-
Công ty Hạ tầng Gelex	Công ty con	Cho vay	3.657.500.000.000	1.118.000.000.000
		Thu hồi gốc cho vay	2.820.000.000.000	1.537.900.000.000
		Lãi cho vay	102.768.383.555	32.525.994.523
		Nhận tiền từ chuyển nhượng khoản đầu tư	51.175.161.707	-
		Góp vốn	400.000.000.000	-
		Thu hồi gốc cho vay	92.500.000.000	-
		Lãi cho vay	63.483.164.384	-
		Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.550.949.929	1.647.102.710
Công ty Thibidi	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	530.828.842.638	561.051.868.661
		Lãi ký quỹ mua vật tư	-	7.711.265.673

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Gelex Electric	Công ty con	Cho vay	2.947.671.008.134	1.324.800.000.000
		Thu hồi gốc cho vay	2.664.566.662.080	1.781.475.000.000
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	427.487.522.000	245.000.000.000
		Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2.050.966.635	450.623.631.059
		Lãi cho vay	57.352.731.750	31.400.465.754
		Lãi đặt cọc mua vật tư phải trả	37.534.246.573	11.241.529.510
		Chuyển nhượng khoản đầu tư	69.285.387.977	-
Công ty HEM	Công ty con	Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	24.848.225.010	49.737.025.784
		Hoàn trả tiền ký quỹ	40.000.000.000	-
Công ty Emic	Công ty con	Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	31.098.053.222	37.140.759.134
Công ty Gelex Land	Công ty con	Đi vay	18.000.000.000	37.000.000.000
		Trả gốc vay	55.000.000.000	-
		Thu hồi gốc cho vay	-	5.000.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	990.458.655	1.182.830.472
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	8.034.399.000
		Lãi đi vay	2.486.465.749	682.849.314
		Cổ tức nhận được	6.000.000.000	-
Công ty Gelex Ninh Thuận	Công ty con	Thu hồi gốc cho vay	92.500.000.000	-
		Cho vay	-	737.500.000.000
		Lãi cho vay	63.483.164.384	-
Công ty Cổ phần Viglacera – CTCP	Công ty liên kết của Tập đoàn	Cổ tức nhận được	27.310.360.000	54.827.600.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết tới 30 tháng 6 năm 2020	Cổ tức nhận được	5.625.000.000	6.250.000.000
Công ty CFT	Công ty con	Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ (*)	98.338.758.602	507.490.867
		Cổ tức nhận được	21.810.000.000	-
		Lãi bán hàng trả chậm	379.505.321	-
Các bên liên quan khác		Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	10.037.335.305	4.787.842.974
		Mua hàng hóa và dịch vụ	10.418.250.262	3.122.675.154

(*) Trong năm, Tổng Công ty bán hàng trả chậm cho Công ty CFT trong thời hạn 6 tháng với lãi suất 5%/năm.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tổng Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay, đi vay, phải thu từ bán hàng trả chậm và đặt cọc chịu lãi, số dư các khoản phải thu, phải trả khác, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Năm nay, Tổng Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(Thuyết minh số 7)*				
Công ty HEM	Công ty con	Bán hàng hóa	1.923.153.752	12.873.000.639
Công ty Emic	Công ty con	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	279.101.677	12.110.952.061
Công ty Thibidi	Công ty con	Bán hàng hóa	120.796.161.698	4.005.602.556
Công ty CFT	Công ty con	Bán hàng hóa	109.811.480.411	-
Công ty Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Phải thu tiền hàng, cung cấp dịch vụ	10.690.833.979	-
Các bên liên quan khác		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	583.862.020	562.702.770
TỔNG CỘNG			**244.084.593.537**	**29.552.258.026**
Phải thu về cho vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 8)*				
Công ty Hạ tầng Gelex	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	1.163.100.000.000	325.600.000.000
Công ty Gelex Electric	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	488.104.346.054	205.000.000.000
Công ty Gelex Ninh Thuận	Công ty con	Cho vay dài hạn đến hạn thu hồi	36.875.000.000	36.875.000.000
TỔNG CỘNG			**1.688.079.346.054**	**567.475.000.000**
Phải thu về cho vay dài hạn *(Thuyết minh số 8)*				
Công ty Gelex Ninh Thuận	Công ty con	Cho vay dài hạn	608.125.000.000	700.625.000.000
TỔNG CỘNG			**608.125.000.000**	**700.625.000.000**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 9)*				
Công ty Hạ tầng Gelex	Công ty con	Phải thu về lãi cho vay	148.832.547.940	46.064.164.385
Công ty Gelex Electric	Công ty con	Phải thu về lãi cho vay	26.850.321.654	27.945.205
TỔNG CỘNG			**175.682.869.594**	**46.092.109.590**
Phải trả người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 16)*				
Công ty Gelex Land	Công ty con	Mua dịch vụ	-	6.305.918.963
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistisc	Công ty con tới 30 tháng 6 năm 2020	Phí vận chuyển	-	1.395.432.669
Công ty TNHH S.A.S. – CTAMAD	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	138.524.927	-
TỔNG CỘNG			**138.524.927**	**7.701.351.632**
Phải trả khác *(Thuyết minh số 21)*				
Công ty Gelex Electric	Công ty con	Ký quỹ mua vật tư dài hạn	-	500.000.000.000
		Lãi ký quỹ mua vật tư	-	11.241.529.510
Công ty HEM	Công ty con	Ký quỹ mua vật tư	-	40.000.000.000
		Lãi ký quỹ mua vật tư	-	821.917.807
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistisc	Công ty con tới 30 tháng 6 năm 2020	Phí vận chuyển trả hộ	-	2.160.418.705
Công ty Gelex Land	Công ty con	Lãi vay	1.327.406.898	682.849.314
Công ty Cadivi	Công ty con	Lãi đặt cọc	11.596.273.972	-
Công ty CFT	Công ty con	Tiền thuê đất trả hộ	3.107.404.507	-
Công ty Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Nhận ký quỹ mua vật tư	160.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			**176.031.085.377**	**554.906.715.336**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Doanh thu chưa thực hiện** (Thuyết minh số 20)*				
Công ty Cadivi Đồng Nai	Công ty con	Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	110.385.857.975	-
Công ty Cadivi	Công ty con	Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	21.948.065.329	-
Công ty CFT	Công ty con	Lãi bán hàng trả chậm	1.818.540.581	-
TỔNG CỘNG			**134.152.463.885**	**-**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Thù lao Hội đồng quản trị:

Đơn vị tính: VND

STT	Họ tên	Chức danh	*Năm nay*	*Năm trước*
1	Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch từ ngày 20 tháng 8 năm 2020 Thành viên	1.165.000.000	240.000.000
2	Nguyễn Trọng Tiếu	Phó Chủ tịch	240.000.000	240.000.000
3	Nguyễn Trọng Hiền	Phó Chủ tịch từ ngày 20 tháng 8 năm 2020 Thành viên từ ngày 18 tháng 6 năm 2020	1.250.000.000	-
4	Lương Thanh Tùng	Phó Chủ tịch từ ngày 20 tháng 8 năm 2020 Thành viên từ ngày 18 tháng 6 năm 2020 Chủ tịch đến ngày 19 tháng 8 năm 2020	140.000.000	-
5	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	275.000.000	300.000.000
6	Võ Anh Linh	Thành viên	2.040.000.000	1.440.000.000
7	Đỗ Thị Phương Lan	Phó Chủ tịch đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	120.000.000	240.000.000
8	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	120.000.000	240.000.000
9	Phạm Tuấn Anh	Người phụ trách quản trị Công ty	60.000.000	60.000.000
	TỔNG CỘNG (*)		**5.410.000.000**	**2.760.000.000**

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

STT	Họ tên	Chức danh	*Năm nay*	*Năm trước*
1	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	2.312.979.475	2.272.227.111
	TỔNG CỘNG		**2.312.979.475**	**2.272.227.111**

Trong năm, Tổng Công ty đã bán 7.000.000 cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) như trình bày ở Thuyết minh số 23.1 cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc với tổng giá trị là 84 tỷ VND.

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng Công ty cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	69.491.661.461	62.963.797.420
Trên 1 – 5 năm	149.880.165.801	133.462.225.844
Trên 5 năm	264.309.131.891	285.940.667.679
TỔNG CỘNG	**483.680.959.153**	**482.366.690.943**

Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	25.896.782.408	2.263.059.460
Trên 1 – 5 năm	99.730.419.632	6.247.357.840
Trên 5 năm	1.017.324.713.387	40.733.898.875
TỔNG CỘNG	**1.142.951.915.427**	**49.244.316.175**

Quyền tài sản

Tổng Công ty được duy trì quyền tài sản đối với một số khu đất thuộc quản lý và sử dụng bởi một số công ty con của Công ty TNHH North Start Logistics (trước đây là Công ty Gelex Logistics) cho mục đích phát triển dự án trong tương lai.

Bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Cadivi, Công ty Cadivi Đồng Nai, Công ty Gelex Ninh Thuận và các công ty con của Công ty Gelex Ninh Thuận, Công ty Hướng Phùng và Công ty Gelex Quảng Trị, các công ty con của Tổng Công ty với số tiền tối đa bằng số nợ gốc mà ngân hàng sẽ giải ngân cho các công ty con này với số tiền lần lượt là 358 tỷ VND, 222 tỷ VND, 200 tỷ VND, 1.442 tỷ VND và 2.326 tỷ VND.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 03/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 2 năm 2021 và Nghị quyết số 07/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu để tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty sẽ thực hiện tăng vốn với số tiền 3.515 tỷ VND để phục vụ triển khai các dự án đầu tư và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)

Theo Nghị quyết số 05/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ. Theo đó, Tổng Công ty sẽ chào bán toàn bộ 6.274.950 cổ phiếu quỹ đang nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và dự kiến hoàn thành giao dịch trong quý 2 năm 2021.

Theo Nghị quyết số 06/2021/GELEX/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua phương án mua thêm cổ phiếu của Tổng Công ty Viglacera – CTCP để sở hữu chi phối công ty này.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Nguyễn Thị Nga	Phạm Tuấn Anh	Nguyễn Văn Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2021